



Khóa 83, ngày 15/6/2024

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000001	0021411104	Huỳnh Lê Phước An	Nam	Kinh	27/5/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 504-C1	
2	000002	0021411105	Lê Nhật Hoài An	Nam	Kinh	28/4/2003	Tiền Giang	P.506-C1		12h30'		
3	000003	0022412047	Nguyễn Hồng Ân	Nữ	Kinh	22/11/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		12h40'		
4	000004	0022411218	Mai Huỳnh Anh	Nữ	Kinh	26/8/2002	Vĩnh Long	P.506-C1		12h40'		
5	000005	0022411163	Nguyễn Huỳnh Mai Anh	Nữ	Kinh	09/3/2004	Đồng Tháp	P.506-C1		12h50'		
6	000006	0022410174	Mai Chí Bảo	Nam	Kinh	04/10/2004	Bến Tre	P.506-C1		12h50'		
7	000007	0020410634	Nguyễn Trần Huy Bảo	Nam	Kinh	21/4/2002	Đồng Tháp	P.506-C1		13h00'		
8	000008	0022410425	Trương Vũ Cầu	Nam	Kinh	15/02/2004	Kiên Giang	P.506-C1		13h00'		
9	000009	0021410078	Lâm Phú Cường	Nam	Kinh	23/9/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		13h10'		
10	000010	0015412258	Lê Tấn Đạt	Nam	Kinh	23/3/1990	Đồng Tháp	P.506-C1		13h10'		
11	000011	0020410646	Trần Đoàn Thanh Đô	Nam	Kinh	28/12/2001	Đồng Tháp	P.506-C1		13h20'		
12	000012	0022411247	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	Kinh	16/7/2004	Đồng Tháp	P.506-C1		13h20'		
13	000013	0022412076	Nguyễn Bảo Duy	Nam	Kinh	09/12/2003	Đồng Nai	P.506-C1		13h30'		
14	000014	0021411240	Võ Nguyễn Nhựt Duy	Nam	Kinh	20/01/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		13h30'		
15	000015	0021412287	Dương Thị Hồng Gấm	Nữ	Kinh	22/6/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		13h40'		
16	000016	0022412576	Nguyễn Thị Thi Giang	Nữ	Kinh	15/7/2004	Bến Tre	P.506-C1		13h40'		
17	000017	0022410851	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	Nữ	Kinh	10/02/2004	Đồng Tháp	P.506-C1		13h50'		
18	000018	087068004899	Nguyễn Thanh Hải	Nam	Kinh	05/6/1968	Đồng Tháp	P.506-C1		13h50'		
19	000019	0022411994	Dư Thị Ngọc Hân	Nữ	Kinh	27/02/2004	Cà Mau	P.506-C1		14h00'		
20	000020	0021411272	Thạch Thị Ngọc Hân	Nữ	Kinh	20/4/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		14h00'		
21	000021	0022411893	Phan Thế Hùng	Nam	Kinh	13/12/2004	Bến Tre	P.506-C1		14h10'		
22	000022	0022411360	Huỳnh Gia Hưng	Nam	Kinh	27/8/2004	TP HCM	P.506-C1		14h10'		
23	000023	0022410102	Lê Thị Thúy Huỳnh	Nữ	Kinh	08/7/2004	Đồng Tháp	P.506-C1		14h20'		
24	000024	0022411244	Phan Thị Mộng Huỳnh	Nữ	Kinh	01/4/2004	Đồng Tháp	P.506-C1		14h20'		

Tổng số thí sinh: 24

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000025	0022412404	Nguyễn Hồng Khoa		Nam	Kinh	10/5/2004	An Giang	P.507-C1		14h30'	Phòng tập trung chờ thi: 504-C1	
2	000026	0022412123	Trần Bảo Khuyên		Nữ	Kinh	29/12/2004	Đồng Tháp	P.507-C1		14h30'		
3	000027	0021411402	Châu Khánh Lâm		Nam	Kinh	06/01/2003	Đồng Tháp	P.507-C1		14h40'		
4	000028	0022410221	Lê Quang Linh		Nam	Kinh	08/11/2004	Đồng Tháp	P.507-C1		14h40'		
5	000029	0021410368	Lê Thị Cẩm Linh		Nữ	Kinh	08/12/2003	Đồng Tháp	P.507-C1		12h30'		
6	000030	0020411120	Phan Thị Trúc Linh		Nữ	Kinh	19/3/2002	Đồng Tháp	P.507-C1		12h30'		
7	000031	0022411375	Phạm Thị Kiều Loan		Nữ	Kinh	06/8/2004	Long An	P.507-C1		12h40'		
8	000032	0022411303	Phạm Kim Lợi		Nữ	Kinh	08/01/2004	An Giang	P.507-C1		12h40'		
9	000033	0022411740	Nguyễn Minh Luân		Nam	Kinh	10/4/2004	Đồng Tháp	P.507-C1		12h50'		
10	000034	0022412015	Trương Thị Trúc Ly		Nữ	Kinh	01/6/2004	Đồng Tháp	P.507-C1		12h50'		
11	000035	0022411347	Võ Thị Ngọc Ly		Nữ	Kinh	20/4/2004	An Giang	P.507-C1		13h00'		
12	000036	0021412641	Bùi Thị Xuân Mai		Nữ	Kinh	29/4/2003	Đồng Tháp	P.507-C1		13h00'		
13	000037	0022411063	Nguyễn Thị Ngọc My		Nữ	Kinh	26/9/2004	Sóc Trăng	P.507-C1		13h10'		
14	000038	0020410314	Nguyễn Thị Thanh Ngân		Nữ	Kinh	20/5/2002	Đồng Tháp	P.507-C1		13h10'		
15	000039	0020410990	Lê Hiếu Nghĩa		Nam	Kinh	08/3/2001	Đồng Tháp	P.507-C1		13h20'		
16	000040	0022410697	Trần Minh Ngọc		Nam	Kinh	13/12/2004	Đồng Tháp	P.507-C1		13h20'		
17	000041	0022411255	Nguyễn Du Thanh Nguyên		Nam	Kinh	07/8/2004	TP HCM	P.507-C1		13h30'		
18	000042	0020410387	Tiết Văn Chí Nguyên		Nam	Kinh	23/11/2002	Đồng Tháp	P.507-C1		13h30'		
19	000043	0022410137	Bùi Hoài Nhân		Nam	Kinh	27/9/2001	Đồng Tháp	P.507-C1		13h40'		
20	000044	0022411304	Nguyễn Thị Tuyết Nhi		Nữ	Kinh	26/01/2004	Đồng Tháp	P.507-C1		13h40'		
21	000045	0022411084	Nguyễn Thị Yến Nhi		Nữ	Kinh	21/9/2004	Sóc Trăng	P.507-C1		13h50'		
22	000046	0022412111	Tô Thị Yến Nhi		Nữ	Kinh	04/3/2004	Đồng Tháp	P.507-C1		13h50'		
23	000047	0022411008	Đỗ Thị Cẩm Nhung		Nữ	Kinh	18/12/2004	Đồng Tháp	P.507-C1		14h00'		
24	000048	0021412977	Lê Thành Phát		Nam	Kinh	11/01/2003	Đồng Tháp	P.507-C1		14h00'		
25	000049	0020410834	Nguyễn Phong Phú		Nam	Kinh	03/7/2002	Đồng Tháp	P.507-C1		14h10'		
26	000050	0022411961	Lê Tấn Phúc		Nam	Kinh	22/02/2004	Bến Tre	P.507-C1		14h10'		
27	000051	0020410293	Nguyễn Thiện Phúc		Nam	Kinh	03/10/1999	Bến Tre	P.507-C1		14h20'		
28	000052	0022410624	Lê Thị Phương		Nữ	Kinh	01/01/2003	TP HCM	P.507-C1		14h20'		
29	000053	0020410603	Lê Văn Phú Quý		Nam	Kinh	11/10/2002	Đồng Tháp	P.507-C1		14h30'		

Tổng số thí sinh: 29



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000054	0021410718	Nguyễn Văn Quý	Nam	Kinh	13/11/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			14h30'	Phòng tập trung chờ thi: 504-C1
2	000055	0018310050	Nguyễn Thị Thu Quyền	Nữ	Kinh	19/7/1999	Đồng Tháp	P.508-C1			14h40'	
3	000056	0022411353	Nguyễn Hồng Sơn	Nam	Kinh	15/8/2004	Đồng Tháp	P.508-C1			14h40'	
4	000057	0022412451	Mai Hữu Tài	Nam	Kinh	24/11/2004	Đồng Tháp	P.508-C1			12h30'	
5	000058	0020411176	Hồ Tiến Tâm	Nam	Kinh	26/11/2002	Đồng Tháp	P.508-C1			12h30'	
6	000059	0020410796	Hà Nhựt Tân	Nam	Kinh	13/11/2002	Đồng Tháp	P.508-C1			12h40'	
7	000060	0022412699	Lê Minh Tân	Nam	Kinh	08/02/2003	Cần Thơ	P.508-C1			12h40'	
8	000061	0022410076	Cao Minh Thắng	Nam	Kinh	02/01/2004	Bến Tre	P.508-C1			12h50'	
9	000062	0020410874	Nguyễn Phước Thiện	Nam	Kinh	02/02/2002	Đồng Tháp	P.508-C1			12h50'	
10	000063	0022410254	Lưu Thị Minh Thư	Nữ	Kinh	24/01/2004	Đồng Tháp	P.508-C1			13h00'	
11	000064	0022412006	Trần Nguyễn Minh Thư	Nữ	Kinh	27/11/2004	TP HCM	P.508-C1			13h00'	
12	000065	0022411575	Trần Trung Tính	Nam	Kinh	10/3/2004	Đồng Tháp	P.508-C1			13h10'	
13	000066	0020410745	Nguyễn Văn Toàn	Nam	Kinh	14/8/2002	An Giang	P.508-C1			13h10'	
14	000067	0022411769	Nguyễn Thị Huỳnh Trâm	Nữ	Kinh	23/12/2004	Đồng Tháp	P.508-C1			13h20'	
15	000068	0022411425	Lê Ngọc Huyền Trân	Nữ	Kinh	17/6/2003	Bến Tre	P.508-C1			13h20'	
16	000069	0022411899	Phan Thị Bảo Trân	Nữ	Kinh	03/12/2004	Đồng Tháp	P.508-C1			13h30'	
17	000070	0022410770	Trần Thị Quế Trân	Nữ	Kinh	01/6/2003	Tiền Giang	P.508-C1			13h30'	
18	000071	0022411430	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	Kinh	20/8/2004	Đồng Tháp	P.508-C1			13h40'	
19	000072	0020310044	Võ Ngọc Trinh	Nữ	Kinh	29/12/2002	Đồng Tháp	P.508-C1			13h40'	
20	000073	0022410326	Phạm Hữu Trọng	Nam	Kinh	01/8/2004	Cần Thơ	P.508-C1			13h50'	
21	000074	0022411240	Đỗ Thị Ái Vân	Nữ	Kinh	05/02/2004	Đồng Tháp	P.508-C1			13h50'	
22	000075	0022411973	Huỳnh Nguyễn Thúy Vy	Nữ	Kinh	12/10/2003	Tiền Giang	P.508-C1			14h00'	
23	000076	0022411367	Nguyễn Ngô Thái Vy	Nữ	Kinh	03/10/2003	Tiền Giang	P.508-C1			14h00'	
24	000077	0021411970	Lê Thị Xuyên	Nữ	Kinh	07/5/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			14h10'	
25	000078	0021411974	Dương Thị Như Ý	Nữ	Kinh	15/02/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			14h10'	
26	000079	0022412008	Trần Thị Như Ý	Nữ	Kinh	30/01/2004	An Giang	P.508-C1			14h20'	
27	000080	0022410537	Phan Thị Thúy Huỳnh	Nữ	Kinh	26/4/2004	Đồng Tháp	508	BL	BL	14h20'	
28	000081	0022412571	Nguyễn Phong Lưu	Nam	Kinh	22/11/2004	Bến Tre	BL	BL	BL	14h30'	
29	000082	0020410729	Khả Nhựt Nam	Nam	Kinh	01/8/2001	Đồng Tháp	508	508	508	BL	
30	000083	0020410512	Võ Hoàng Nghi	Nam	Kinh	01/7/2002	Đồng Tháp	508	508	BL	14h30'	
31	000084	0021410715	Phan Nguyễn Phú Quý	Nam	Kinh	09/02/2003	Đồng Tháp	508	BL	BL	BL	
32	000085	0022411219	Đặng Thị Ngọc Trâm	Nữ	Kinh	28/01/2004	Đồng Tháp	BL	508	508	14h40'	
33	000086	0020411139	Phạm Nguyễn Văn Trường	Nam	Kinh	23/8/2002	Đồng Tháp	BL	508	BL	14h40'	

Tổng số thí sinh: 33

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG TRUNG

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung			
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói Giờ thi Địa điểm
1	000001	0022411411	Nguyễn Trần Quỳnh An	Nữ	Kinh	16/9/2004	Long An	P.501-C1		12h30'	
2	000002	0020411205	Nguyễn Minh Anh	Nữ	Kinh	10/11/2002	Đồng Tháp	P.501-C1		12h30'	
3	000003	0020410439	Võ Thị Vân Anh	Nữ	Kinh	17/3/2002	Đồng Tháp	P.501-C1		12h40'	
4	000004	0020410813	Chen, Chien -Ch	Nam	Kinh	18/12/2002	Đài Loan	P.501-C1		12h40'	
5	000005	0021412134	Trần Thanh Cơ	Nam	Kinh	17/02/2001	Đồng Tháp	P.501-C1		12h50'	
6	000006	0022412717	Phạm Quốc Cường	Nam	Kinh	21/7/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		12h50'	
7	000007	0020410278	Nguyễn Đức Duy	Nam	Kinh	09/3/2002	Đồng Tháp	P.501-C1		13h00'	
8	000008	0020410542	Nguyễn Thị Hồng Gấm	Nữ	Kinh	05/12/2002	Đồng Tháp	P.501-C1		13h00'	
9	000009	0022410315	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	Kinh	13/3/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		13h10'	
10	000010	0022411024	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	Kinh	09/01/2004	Long An	P.501-C1		13h10'	
11	000011	0020411198	Võ Thị Ngọc Hân	Nữ	Kinh	11/6/2002	Đồng Tháp	P.501-C1		13h20'	
12	000012	0020411199	Đặng Hồng Hạnh	Nữ	Kinh	12/11/2002	Tiền Giang	P.501-C1		13h20'	
13	000013	0021411295	Trần Thị Minh Hậu	Nữ	Kinh	25/8/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		13h30'	
14	000014	0020410370	Đoàn Thị Diệu Hiền	Nữ	Kinh	26/6/2002	Đồng Tháp	P.501-C1		13h30'	
15	000015	0021411339	Nguyễn Phan Phương Huyền	Nữ	Kinh	15/3/1998	An Giang	P.501-C1		13h40'	
16	000016	0021411342	Trần Thị Mộng Huyền	Nữ	Kinh	04/01/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		13h40'	
17	000017	0020410679	Dương Tuấn Kiệt	Nam	Kinh	25/02/2002	Đồng Tháp	P.501-C1		13h50'	
18	000018	0020410783	Đinh Kim	Nữ	Kinh	10/9/2002	Đồng Tháp	P.501-C1		13h50'	
19	000019	0022410933	Từ Bảo Liên	Nữ	Kinh	20/6/2004	An Giang	P.501-C1		14h00'	
20	000020	0021412582	Nguyễn Nhã Linh	Nữ	Kinh	24/02/2003	Cà Mau	P.501-C1		14h00'	
21	000021	0022410753	Phạm Thị Ngọc Linh	Nữ	Kinh	05/8/2004	Bến Tre	P.501-C1		14h10'	
22	000022	0018410268	Dương Hồng Lĩnh	Nam	Kinh	23/11/1996	Đồng Tháp	P.501-C1		14h10'	
23	000023	0018412489	Lê Vũ Luân	Nam	Kinh	18/11/2000	Trà Vinh	P.501-C1		14h20'	
24	000024	0022410982	Khổng Trúc Ly	Nữ	Kinh	06/01/2004	Bến Tre	P.501-C1		14h20'	
25	000025	0022410045	Nguyễn Võ Kim Ngân	Nữ	Kinh	31/10/2004	Bến Tre	P.501-C1		14h20'	

Phòng tập trung chờ thi: 508-C1

Tổng số thí sinh: 25

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG TRUNG

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000026	0020410281	Trần Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	28/01/2002	Đồng Tháp	P.502-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 508-C1	
2	000027	0021411543	Nguyễn Thị Thúy Ngọc	Nữ	Kinh	05/3/2003	Cà Mau	P.502-C1		12h30'		
3	000028	0020411203	Lê Ngọc Thảo Nguyên	Nữ	Kinh	17/11/2002	Đồng Tháp	P.502-C1		12h40'		
4	000029	0020410955	Lê Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	Kinh	29/3/2002	Đồng Tháp	P.502-C1		12h40'		
5	000030	0022411088	Nguyễn Thị Nguyệt Nhi	Nữ	Kinh	15/02/2004	Bến Tre	P.502-C1		12h50'		
6	000031	0021411614	Nguyễn Thị Yến Như	Nữ	Kinh	29/3/2003	Cà Mau	P.502-C1		12h50'		
7	000032	0022410005	Đỗ Thị Như Quỳnh	Nữ	Kinh	09/10/2004	Cà Mau	P.502-C1		13h00'		
8	000033	0020410858	Lê Quốc Sỹ	Nam	Kinh	22/12/2002	Đồng Tháp	P.502-C1		13h00'		
9	000034	0022410648	Đàm Minh Tâm	Nữ	Kinh	01/01/2004	Kiên Giang	P.502-C1		13h10'		
10	000035	0020410619	Nguyễn Hữu Thành	Nam	Kinh	26/5/2002	Đồng Tháp	P.502-C1		13h10'		
11	000036	0021413280	Phan Thụy Quỳnh Thư	Nữ	Kinh	19/02/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		13h20'		
12	000037	0022412697	Hà Trung Tín	Nam	Kinh	12/01/2004	Đồng Tháp	P.502-C1		13h20'		
13	000038	0020410809	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	Nữ	Kinh	29/10/2002	Đồng Tháp	P.502-C1		13h30'		
14	000039	0019410582	Nguyễn Thị Bích Trâm	Nữ	Kinh	20/10/2001	An Giang	P.502-C1		13h30'		
15	000040	0022411427	Huỳnh Thị Quế Trân	Nữ	Kinh	21/02/2004	Bến Tre	P.502-C1		13h40'		
16	000041	0020411233	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Nữ	Kinh	20/3/2002	Đồng Tháp	P.502-C1		13h40'		
17	000042	0022412681	Nguyễn Thị Thuý Trân	Nữ	Kinh	28/9/2004	An Giang	P.502-C1		13h50'		
18	000043	0022411016	Trương Nhật Trang	Nữ	Kinh	06/01/2004	Đồng Tháp	P.502-C1		13h50'		
19	000044	0020410695	Đỗ Xuân Trúc	Nữ	Kinh	08/01/2002	Đồng Tháp	P.502-C1		14h00'		
20	000045	0022410396	Huỳnh Thị Xuân Trúc	Nữ	Kinh	28/4/2004	Vĩnh Long	P.502-C1		14h00'		
21	000046	0022411054	Nguyễn Phạm Nhật Trường	Nam	Kinh	14/7/2004	An Giang	P.502-C1		14h10'		
22	000047	0020410571	Nguyễn Thị Phương Uyên	Nữ	Kinh	17/8/2002	Đồng Tháp	P.502-C1		14h10'		
23	000048	0021411956	Lê Hạnh Vy	Nữ	Kinh	24/10/2003	Bến Tre	P.502-C1		14h20'		
24	000049	0022412302	Nguyễn Phạm Tường Vy	Nữ	Kinh	10/3/2004	Bến Tre	P.502-C1		14h20'		
25	000050	0020410706	Phan Kim Hương	Nữ	Kinh	12/10/2002	Long An	402	BL	402		14h20'

Tổng số thí sinh: 25

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG PHÁP
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000001	0022412271	Huỳnh Minh	Anh	Nữ	Kinh	24/5/2004	Vĩnh Long	P.503-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 508-C1	
2	000002	0022410902	Nguyễn Kiều	Anh	Nữ	Kinh	04/8/2004	Vĩnh Long	P.503-C1		12h30'		
3	000003	0022412023	Thái Minh	Đăng	Nam	Kinh	17/4/2004	Bến Tre	P.503-C1		12h40'		
4	000004	0021411187	Trương Phước	Đạt	Nam	Kinh	04/01/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		12h40'		
5	000005	0022410368	Lê Thị Hồng	Diễm	Nữ	Kinh	29/7/2004	Tiền Giang	P.503-C1		12h50'		
6	000006	0021412203	Nguyễn Uyển	Doanh	Nữ	Kinh	09/11/2003	Tiền Giang	P.503-C1		12h50'		
7	000007	0022410347	Trần Thúy	Duy	Nữ	Kinh	22/8/2004	Đồng Tháp	P.503-C1		13h00'		
8	000008	0021411242	Lê Ngọc Mỹ	Duyên	Nữ	Kinh	07/7/2003	Bến Tre	P.503-C1		13h00'		
9	000009	0021410189	Mạnh Thị Bội	Giao	Nữ	Kinh	19/3/2002	Đồng Tháp	P.503-C1		13h10'		
10	000010	0021410211	Phan Thị Ngọc	Hân	Nữ	Kinh	29/4/2003	Tiền Giang	P.503-C1		13h10'		
11	000011	0021412462	Dương Thị Như	Huỳnh	Nữ	Kinh	28/02/2003	Cà Mau	P.503-C1		13h20'		
12	000012	0022410788	Lê Trần Bảo	Khanh	Nữ	Kinh	22/9/2004	Kiên Giang	P.503-C1		13h20'		
13	000013	0022412599	Lê Nguyễn Anh	Khôi	Nam	Kinh	19/7/2004	Sóc Trăng	P.503-C1		13h30'		
14	000014	0019410730	Trần Ái	Linh	Nữ	Kinh	27/11/2001	Đồng Tháp	P.503-C1		13h30'		
15	000015	0022410888	Ngô Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	Kinh	10/11/2004	Vĩnh Long	P.503-C1		13h40'		
16	000016	0022412235	Nguyễn Hoàng Hải	Long	Nam	Kinh	04/01/2004	TP HCM	P.503-C1		13h40'		
17	000017	0022412162	Võ Thị Diễm	My	Nữ	Kinh	25/4/2003	Cà Mau	P.503-C1		13h50'		
18	000018	0021410445	Hồ Gia	Mỹ	Nữ	Kinh	14/6/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		13h50'		
19	000019	0022410612	Đỗ Thảo	Nghi	Nữ	Kinh	07/9/2004	Tây Ninh	P.503-C1		14h00'		
20	000020	0017411145	Phan Mỹ	Nghi	Nữ	Kinh	16/12/1999	Đồng Tháp	P.503-C1		14h00'		
21	000021	0022410633	Trần Khánh	Nguyên	Nam	Kinh	20/10/2004	Kiên Giang	P.503-C1		14h10'		
22	000022	0021410571	Bùi Nguyễn Khả	Nhi	Nữ	Kinh	12/10/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		14h10'		

Tổng số thí sinh: 22

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG PHÁP
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000023	0022412433	Nguyễn Tuyết Như	Nữ	Kinh	25/6/2004	An Giang	P.504-C1			12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 508-C1
2	000024	0022412247	Nguyễn Tấn Phát	Nam	Kinh	25/01/2004	An Giang	P.504-C1			12h30'	
3	000025	0022411423	Đoàn Huỳnh Thu Phương	Nữ	Kinh	07/11/2004	Trà Vinh	P.504-C1			12h40'	
4	000026	0020410890	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	Kinh	24/5/1998	Cần Thơ	P.504-C1			12h40'	
5	000027	0021411774	Phạm Anh Thơ	Nữ	Kinh	19/02/2003	Bến Tre	P.504-C1			12h50'	
6	000028	0022410695	Bùi Thị Minh Thư	Nữ	Kinh	17/3/2004	Tiền Giang	P.504-C1			12h50'	
7	000029	0021411783	Đoàn Minh Thư	Nữ	Kinh	30/11/2003	Đồng Tháp	P.504-C1			13h00'	
8	000030	0020411108	Huỳnh Nam Thuận	Nam	Kinh	28/5/2002	Tiền Giang	P.504-C1			13h00'	
9	000031	0022411850	Trần Dương Đan Thy	Nữ	Kinh	05/6/2003	Đồng Tháp	P.504-C1			13h10'	
10	000032	0022411080	Nguyễn Diệu Tiên	Nữ	Kinh	07/10/2004	Đồng Tháp	P.504-C1			13h10'	
11	000033	0022410583	Đào Nguyễn Dũng Tiến	Nam	Kinh	16/02/2004	Đồng Tháp	P.504-C1			13h20'	
12	000034	0021413404	Nguyễn Ngọc Trân	Nữ	Kinh	28/12/2003	Bến Tre	P.504-C1			13h20'	
13	000035	0020411005	Lê Nguyên Trung	Nam	Kinh	24/3/2002	TP HCM	P.504-C1			13h30'	
14	000036	0022410820	Lê Thị Mỹ Tuyên	Nữ	Kinh	04/5/2004	Đồng Tháp	P.504-C1			13h30'	
15	000037	0021411006	Tăng Tuyên	Nữ	Kinh	28/9/2003	Đồng Tháp	P.504-C1			13h40'	
16	000038	0022411469	Lê Ánh Tuyết	Nữ	Kinh	13/02/2004	Kiên Giang	P.504-C1			13h40'	
17	000039	0022410937	Lê Ngọc Phương Uyên	Nữ	Kinh	21/8/2004	Long An	P.504-C1			13h50'	
18	000040	0021411028	Nguyễn Thị Thuỷ Vân	Nữ	Kinh	19/4/2003	Đồng Tháp	P.504-C1			13h50'	
19	000041	0022411106	Trần Lê Tường Vi	Nữ	Kinh	05/01/2004	Long An	P.504-C1			14h00'	
20	000042	0021411935	Trần Nguyễn Tường Vi	Nữ	Kinh	15/02/2003	An Giang	P.504-C1			14h00'	
21	000043	0022410949	Huỳnh Thảo Vy	Nữ	Kinh	29/7/2004	Vĩnh Long	P.504-C1			14h10'	
22	000044	0020411217	Lê Thanh Trúc	Nữ	Kinh	09/9/2002	Tiền Giang	504	504	BL	14h10'	

Tổng số thí sinh: 22